

Số: 05 /2024/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 17 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 1005/TTr-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 140/BC-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và

công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, gồm: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý, cơ quan phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 32 triệu đồng/người/tháng;

b) Đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: 16 triệu đồng/người/tháng;

c) Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, định mức chi thù lao như sau: Thành viên chính bằng 0,8 lần; thành viên bằng 0,4 lần; thư ký khoa học bằng 0,3 lần; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ bằng 0,2 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

Mức chi cụ thể theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu

Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bằng 80% mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Chi thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bằng 50% mức thuê chuyên gia trong nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (*đoàn ra, đoàn vào*) phục vụ hoạt động nghiên cứu

a) Chi hội nghị, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (*đoàn ra, đoàn vào*) phục vụ hoạt động nghiên cứu

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị

trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

b) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Đối tượng	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.600	800
2	Thư ký	Buổi	400	200
3	Thành viên tham gia	Thành viên/Buổi	240	120
4	Báo cáo được trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.400	1.200
5	Báo cáo không trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	1.200	600

4. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

5. Chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở (nếu có), được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá, mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

6. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 4% tổng kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 120 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 3. Mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.200	600
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	400
	Thư ký khoa học		240	120
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		560	280
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.440	720
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	600
	Thư ký khoa học		240	120

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	280
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	400
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.440	720
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.200	600
	Thư ký khoa học		240	120
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	280
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	400
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.200	600

b) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Chi công tác phí cho các thành viên Hội đồng thực hiện theo quy định

tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	400
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560	280
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240	120
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	80

3. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng kinh phí chi thuê chuyên gia độc lập được tính bằng 4 lần mức chi thù lao (*gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng*) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định.

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

b) Chi tiền công cho Hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo phân cấp;
2. Các nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án khác của trung ương, tỉnh;
3. Nguồn thu được để lại theo quy định, nguồn tài trợ, nguồn ủng hộ (nếu có).

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung, mức chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định khác có liên quan còn hiệu lực thi hành.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Chu Lê Chinh